

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Chai phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Ánh Ngọc

Ông Mùa A Phênh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Đoàn - **Thẩm tra viên** Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Phương - **Kiểm sát viên.**

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lò Thị H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà **Lương Thị T**
- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên.
Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Lương Văn H1**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày:**

Về hôn nhân: Bà Lò Thị H và ông Lương Văn H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núa Ngam, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 02/5/2007, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, tuy Nên đến tháng 8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H1 hay uống rượu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà H thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng sâu sắc, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lương Văn T1 - sinh ngày 21/02/2007 và cháu Lương Thị Hoài N, sinh ngày 23/4/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T1 sinh sống với ông H1, do ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu N sinh sống với bà H, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lương Thị Hoài N; ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Văn T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lương Văn H1 trình bày: Không.

3. Nguyện vọng của các con:

Cháu Lương Văn T1: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố vì đã sống quen nhà, không muốn đi ở nơi khác.

Cháu Lương Thị Hoài N: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ yêu cháu, cho cháu đi học, quan tâm đến cháu.

4. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân bà H ông H1 đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2023, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận nguyện vọng của bà H, giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bà H.

5. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 69 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lò Thị H được ly hôn với ông Lường Văn H1.

Về con chung: Giao con chung cháu Lường Thị Hoài N, sinh ngày 23/4/2011 cho bà Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung cháu Lường Văn T1 - sinh ngày 21/02/2007 cho ông Lường Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung; Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Lường Văn H1 có nơi đăng ký thường trú: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của đương sự và người tham gia tố tụng khác: Bị đơn ông Lường Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Bà Lường Thị T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bảo vệ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị H và ông Lường Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Núa Ngam, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 02/5/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã được Trưởng Bản N, xã H, huyện Đ tỉnh Điện Biên xác nhận (Bút lục số 39, 40). Do vậy, bà H và ông H1 đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn sống chung cùng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của bà H và xác nhận của chính quyền địa phương có đủ căn cứ xác định, bà H, ông H1 có 02 con chung là cháu Lường Văn T1 - sinh ngày 21/02/2007 và cháu Lường Thị Hoài N, sinh ngày 23/4/2011; vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

Xét điều kiện nuôi con của bà H: Bà H làm nông nghiệp ngoài ra còn làm thuê có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu N luôn sống cùng bà H, trong quá trình chăm sóc, nuôi con bà H không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông H1: Ông H1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng đều vắng mặt không lý do, không trình bày nguyện vọng về người trực tiếp nuôi con. Tuy Nền chính quyền địa phương xác nhận ông H1 làm nông nghiệp, ngoài ra còn làm thợ mộc, thu nhập đủ nuôi bản thân và con, có chỗ ở ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Thơm sinh sống cùng ông H1, do ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyện vọng của cháu N: Tại Biên bản lấy ý kiến của người chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên của Tòa án nhân dân huyện Đ, cháu N có nguyện được ở cùng với mẹ.

Nguyện vọng của cháu Thơm: Tại Biên bản lấy ý kiến của người chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên của Tòa án nhân dân huyện Đ, cháu Thơm có nguyện được ở cùng với bố.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi bà H, ông H1 sống ly thân thì con chung là cháu N do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Thơm do ông H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian bà H, ông H1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cả hai đều không vi phạm về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.

Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu N, cháu Thơm và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Thơm cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông H1 không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về quan hệ tài sản: Bà H, ông H1 không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bà H có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Từ những phân tích nêu trên cần chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị H được ly hôn với ông Lương Văn H1.

2. Về con chung:

Giao cháu **Lương Văn T1 - sinh ngày 21/02/2007** cho ông Lương Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Giao cháu **Lương Thị Hoài N, sinh ngày 23/4/2011** cho bà Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lò Thị H.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- **UBND xã Núa Ngam, H. Điện Biên;**
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng